TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2018
Về việc:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Toàn**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phùng Quốc Việt**
2. Ông **Hoài Đức Huệ**
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Trúc**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa***: Ông **Nguyễn Văn Thành**- kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 712/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Chị **Võ Thị Kim T**, sinh năm 1985.
Địa chỉ: thôn A, xã H, huyện Q, tỉnh K.
Tạm trú: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đ.
+ *Bị đơn*: Anh **Trần Ngọc T1**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: xã Thái D, huyện L, tỉnh M.
Tạm trú: ấp B1, xã P1, huyện N1, tỉnh Đ1.
(Chị T có mặt, anh T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Kim T trình bày:

Giữa chị và anh T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh K ngày 05/9/2005, do cả hai đều tự nguyện.

Sau khi kết hôn, chị và anh T1 sinh sống, làm việc tại tỉnh R, đến tháng 11/2010 vợ chồng chuyển về huyện N sinh sống đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhưng nghiêm trọng nhất là từ năm 2011. Nguyên nhân là do anh T1 không quan tâm đến gia đình, đi làm về không đưa tiền phụ chị lo cho gia đình và thường xuyên đánh bài dẫn đến nợ nần- đồ đạc, tài sản trong gia đình anh Trường đem bán để lấy tiền đánh bạc. Những lúc thua bài, anh T1 về đánh đập chị, giữa chị và anh T1 đã tự sống ly thân từ năm 2011 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

+ *Về con chung*: Có 01 cháu tên Trần Phi G, sinh ngày 30/3/2006.

Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cháu G, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Chị T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, còn anh T1 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa để đến tham dự phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị Kim T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Phi G, sinh ngày 30/3/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Trong quá trình thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa đã tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Trần Ngọc T1 biết đến Tòa làm việc nhưng anh T1 không có mặt để cung cấp lời khai, không nộp cho Tòa án

văn bản ghi ý kiến cũng như ý kiến phản bác, do đó không có lời khai của anh T1 tại hồ sơ, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và những chứng cứ do chị T cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T1 không có mặt nhưng Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh T.

[2] *Về hôn nhân*: Chị T và anh T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, tỉnh K, do cả hai đều tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy chị T xin ly hôn nguyên nhân là do anh T1 không quan tâm, lo lắng cho gia đình và trong quá trình chung sống thường xuyên đánh bạc dẫn đến nợ nần, tài sản trong gia đình anh T1 đem bán để lấy tiền đánh bạc, những lúc thua bài, anh T1 về thường xuyên đánh đập chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời anh T1 tham dự phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T1 không đến dự phiên hòa giải, chứng tỏ anh T1 không có thiện chí đoàn tụ và theo lời khai của chị T1 giữa vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2011 đến nay nhưng không bàn bạc đoàn tụ được, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc chị T xin ly hôn là chính đáng. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh T1.

[3] *Về con chung*: Có 01 cháu tên Trần Phi G, sinh ngày 30/3/2006.

Tại phiên toà hôm nay, chị T xin được nuôi dưỡng cháu G. Xét thấy việc giao con cho chị T hay anh T1 nuôi dưỡng cần phải xem xét vào điều kiện và hoàn cảnh sống của mỗi bên nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho trẻ. Chị T và anh T1 đều có đủ điều kiện nuôi dạy con tốt nhưng hiện cháu G đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến cháu G có nguyện vọng được sống với chị T. Vì vậy giao cháu G cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu G và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị T nuôi con không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nên không xét.

[4] *Về tài sản chung*: Do không ghi được lời khai của anh T1 nên không có cơ sở xem xét về tài sản, vì vậy các đương sự được quyền khởi kiện về việc chia tài sản chung nếu có yêu cầu.

[5] *Về nợ chung*: không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Võ Thị Kim T. Xử cho chị T được ly hôn anh Trần Ngọc T1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Phi G, sinh ngày 30/3/2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh T1 không cấp dưỡng nuôi con chung, Anh T1 được quyền đến thăm con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 007608 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- UBND xã Hòa Phú, xã Phước Thiền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Toàn